

Số: 09 /CBTT/HĐQT-HKB

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GDCK HÀ NỘI**

***Kính gửi:* - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Quý Cổ đông Công ty**

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI – KINH BẮC**

Mã chứng khoán: HKB

Địa chỉ trụ sở chính: số 8, Lô TT03 – KĐT Hải Đăng City, số 2 Phố Hàm Nghi, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 02437877290

Fax: 02437877291

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Bùi Thùy Anh

Loại công bố thông tin: 24h bất thường 72h Yêu cầu Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Hợp đồng soát xét kiểm toán năm 2019

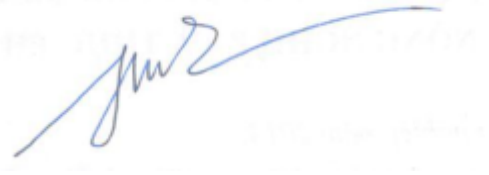
Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 27/12/2019 tại đường dẫn www.hkb.com.vn/thongbaocodong.

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung công bố thông tin đã công bố./.

Người thực hiện công bố thông tin

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VPCT.



BÙI THÙY ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 300/2020/HĐKT-BCTC/CPA VIETNAM

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2019

HỢP ĐỒNG SOÁT XÉT, KIỂM TOÁN

*Về việc Soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2019
và kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
của Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc*

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;

Căn cứ Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2011 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2012;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;

Căn cứ Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán, ban hành kèm theo Thông tư số 214/2012/TT-BTC ngày 06/12/2012 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410: Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, ban hành kèm theo thông tư số 65/2015/TT-BTC ngày 08/05/2015 của Bộ Tài chính;

Căn cứ vào thỏa thuận đã được thống nhất giữa Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc và Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM về việc cung cấp dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2019 và kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc.

Hợp đồng này được lập tại Hà Nội, bởi và giữa: (“các Bên”)

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

Đại diện là: Ông Dương Quang Lư
Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Điện thoại: 84. 24. 3787 7290
Fax: 84. 24. 3787 7291
Địa chỉ: Số 8 Lô TT-03, KĐT Hải Đăng City, Ngõ 2 Phố Hàm Nghi, Phường Mỹ Đình II, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã số thuế: 0104246382

BÊN B: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network

Đại diện là: Ông Phan Thanh Nam
Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
Giấy Ủy quyền số: 02/2019/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2019 của Chủ tịch HĐQT
Điện thoại: 84. 24. 3783 2121
Fax: 84. 24. 3783 2122
Địa chỉ: Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, số 235 Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội, Việt Nam
Mã số thuế: 0101917917
Tài khoản: 9107 888888 mở tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đông Đô
Tên tài khoản: Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM

Hai Bên thống nhất hợp đồng với các điều khoản sau:

Điều 1:

Nội dung hợp đồng

Bên B đồng ý cung cấp cho Bên A dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/6/2019 và kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Bên A (bao gồm: Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ/năm tài chính kết thúc cùng ngày). Cuộc soát xét, kiểm toán của Bên B được thực hiện với mục tiêu đưa ra kết luận soát xét/ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính của Bên A.

- a) Công việc kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Bên A bao gồm 2 giai đoạn:
- **Giai đoạn 1:** Soát xét và phát hành Báo cáo soát xét giữa niên độ của Bên A (giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/6/2019);
 - **Giai đoạn 2:** Kiểm toán và phát hành Báo cáo kiểm toán của Bên A cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.
- b) Các Đơn vị được soát xét, kiểm toán của Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc, bao gồm:
1. Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc (bao gồm Văn phòng Công ty mẹ và Chi nhánh Gia Lai);
 2. Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hưng Lộc Phát Gia Lai;
 3. Công ty Cổ phần Thương mại - Xuất nhập khẩu Tấn Hưng;
 4. Công ty Cổ phần Nông nghiệp Lumex Việt Nam;
 5. Hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc.

Điều 2:

Luật định và Chuẩn mực

Dịch vụ soát xét được thực hiện phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410: Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, ban hành kèm theo thông tư số 65/2015/TT-BTC ngày 08/05/2015 của Bộ Tài chính.

Dịch vụ kiểm toán được thực hiện phù hợp với các quy định của Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2011 và các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam.

Mục tiêu của cuộc soát xét, kiểm toán là đưa ra kết luận soát xét /đưa ra ý kiến kiểm toán về tính hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu về Báo cáo tài chính của Bên A được trình bày theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Điều 3:

Trách nhiệm của các Bên

Trách nhiệm của Bên A

Việc soát xét và kiểm toán của Bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Giám đốc và Ban Quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

- a) Đối với việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày Báo cáo tài chính được áp dụng;

- b) Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- c) Đảm bảo cung cấp kịp thời cho Bên B:
- i. Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày Báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;
 - ii. Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu Ban Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của việc soát xét, kiểm toán;
 - iii. Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của Bên A mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán. Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với Bên B trong quá trình soát xét, kiểm toán.

Ban Giám đốc và Ban Quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình soát xét và kiểm toán vào “Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban Quản trị”, một trong những yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Giám đốc Bên A trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh do Bên B phát hiện và tổng hợp trong quá trình soát xét, kiểm toán cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể Báo cáo tài chính.

Tạo điều kiện thuận tiện cho các nhân viên của Bên B trong quá trình làm việc tại Văn phòng của Bên A.

Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ và các phí khác (nếu có) cho Bên B theo quy định tại Điều 6 của hợp đồng này.

Trách nhiệm của Bên B

Bên B sẽ thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính Báo cáo tài chính giữa niên độ và kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Kiểm định kỹ thuật, An toàn và Tư vấn xây dựng do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện với mục đích tạo cơ sở để Bên B báo cáo xem liệu Bên B có nhận thấy vấn đề gì khiến Bên B cho rằng Báo cáo tài chính đã không được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hay không.

Công việc soát xét của Bên B bao gồm các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là đối với những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính, kế toán, và áp dụng các thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác và thông thường không bao gồm việc chứng thực các thông tin thu thập được. Phạm vi công việc soát xét Báo cáo tài chính về cơ bản hẹp hơn phạm vi của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam nhằm đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính. Do đó, Bên B không đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính được soát xét.

Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam pháp luật và các quy định có liên quan. Các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam quy định Bên B phải tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không.

Trong cuộc soát xét, kiểm toán, Bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng soát xét, kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong Báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của Báo cáo tài chính.

Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A về nội dung và kế hoạch soát xét, kiểm toán, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện soát xét, kiểm toán.

Bên B thực hiện công việc soát xét, kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó, Bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của Bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được Bên A công bố.

Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán. Theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban Quản trị Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra kết luận và ý kiến của mình về Báo cáo tài chính của Bên A.

Do những hạn chế vốn có của soát xét, kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Để đánh giá rủi ro, Bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà Bên A sử dụng trong quá trình lập Báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của Bên A. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo tới Bên A bằng văn bản về bất kỳ khiếm khuyết nào trong kiểm soát nội bộ mà Bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán Báo cáo tài chính.

Bên B phải đảm bảo cung cấp cho Bên A các Báo cáo soát xét, kiểm toán đã nêu tại Điều 4 của Hợp đồng này.

Điều 4:

Báo cáo soát xét và Báo cáo kiểm toán

Sau khi kết thúc công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A 06 (sáu) bộ Báo cáo soát xét kèm theo Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ đã được soát xét; 06 (sáu) bộ Báo cáo soát xét hợp nhất kèm theo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Bên A đã được soát xét bằng tiếng Việt và 04 (bốn) bộ Thư quản lý bằng tiếng Việt (nếu có), đề cập đến các thiếu sót cần khắc phục và các đề xuất của kiểm toán viên nhằm hoàn thiện hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của Bên A cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/6/2019.

Sau khi kết thúc công việc kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, Bên B sẽ cung cấp cho mỗi Đơn vị của Bên A 06 (sáu) bộ Báo cáo kiểm toán kèm theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bằng tiếng Việt, 06 (sáu) bộ Báo cáo kiểm toán hợp nhất kèm theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bằng tiếng Việt và 04 (bốn) bộ Thư quản lý bằng tiếng Việt (nếu có), đề cập đến các thiếu sót cần khắc phục và các đề xuất của kiểm toán viên nhằm hoàn thiện hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của Bên A cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Báo cáo soát xét sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, pháp luật và quy định có liên quan.

Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật Kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700: Hình thành ý kiến kiểm toán và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 705: Ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần và Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 706: Đoạn “Vấn đề cần nhấn mạnh” và “Vấn đề khác” trong Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính, các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.

Trong trường hợp Bên A dự định phát hành Báo cáo soát xét hoặc Báo cáo kiểm toán của Bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về Báo cáo tài chính đã được soát xét, kiểm toán, Ban Giám đốc Bên A đồng ý rằng họ sẽ cung cấp cho Bên B một bản của tài liệu này và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của Bên B bằng văn bản.

Điều 5:

Kế hoạch thực hiện

Công việc soát xét và kiểm toán được thực hiện khi có sự thống nhất kế hoạch làm việc giữa hai Bên.

Thời gian hoàn thành công việc soát xét, kiểm toán và phát hành Báo cáo phụ thuộc vào việc cung cấp tài liệu của Bên A và các thỏa thuận khác trong quá trình soát xét và kiểm toán.

Báo cáo soát xét, Báo cáo kiểm toán sẽ được phát hành sau 05 ngày kể từ khi có ý kiến chấp thuận chính thức của Bên A về Báo cáo dự thảo (nếu có).

Điều 6:

Phí dịch vụ và phương thức thanh toán

1) Phí dịch vụ

Tổng phí dịch vụ cho các dịch vụ nêu tại Điều 1 là: **155.000.000 đồng** (Bằng chữ: **Một trăm năm mươi lăm triệu đồng**). Phí dịch vụ chưa bao gồm 10% thuế GTGT (*Chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

Mức phí trên được tính toán trên cơ sở trách nhiệm, kinh nghiệm và thời gian cần thiết để thực hiện công việc.

Mức phí trên được tính dựa trên các giả định sau: (1) Bên A cung cấp kịp thời và đầy đủ các tài liệu theo yêu cầu của Bên B, (2) không có bất kỳ sự chậm trễ nào trong suốt quá trình soát xét, kiểm toán hoặc thay đổi phạm vi soát xét, kiểm toán bởi những sự kiện ngoài tầm kiểm soát của Bên B, (3) hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động hiệu quả trong suốt giai đoạn được soát xét, kiểm toán, (4) chỉ phát sinh những điều chỉnh không đáng kể trong quá trình soát xét, kiểm toán (được điều chỉnh hoặc không điều chỉnh), (5) kế hoạch thời gian và khối lượng công việc của Bên B đã được ước tính hợp lý, và (6) Bên A chi trả kịp thời các hoá đơn mà Bên B đã phát hành.

2) Phương thức thanh toán:

Tạm ứng 50% tổng giá trị của Hợp đồng ngay sau khi bắt đầu thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ và sau khi nhận được văn bản đề nghị tạm ứng của Bên B.

Số phí còn lại sẽ được thanh toán ngay khi Bên B giao đầy đủ Báo cáo kiểm toán, Thư quản lý (nếu có) và hồ sơ Thanh lý hợp đồng.

Bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho Bên A khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ, phù hợp với quy định của pháp luật thuế hiện hành.

Nếu Bên A vi phạm điều khoản thanh toán (*theo quy định tại điều 6 khoản 2 của Hợp đồng này*) cụ thể là chậm thanh toán phí dịch vụ cho Bên B, Bên A sẽ phải chịu khoản lãi suất quá hạn (lãi suất phạt) đối với khoản tiền chậm thanh toán cho Bên B bằng 1,5 lần lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thanh toán khoản phí chậm trả.

Phí dịch vụ sẽ được thanh toán bằng bằng chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của Bên B.

Điều 7:

Các dịch vụ khác

Các dịch vụ khác cung cấp ngoài các dịch vụ được nêu tại Điều 1 sẽ được tính riêng. Trong trường hợp Bên A cần Bên B cung cấp dịch vụ khác liên quan đến dịch vụ Kiểm toán, nội dung các dịch vụ này sẽ được trình bày tại Phụ lục hợp đồng kèm theo. Các dịch vụ không liên quan đến dịch vụ kiểm toán sẽ được trình bày trong một hợp đồng riêng.

Điều 8:

Cam kết thực hiện

Hai Bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau để cùng tìm phương án giải quyết. Mọi thay đổi phải được thông báo trực tiếp cho mỗi Bên Bằng văn bản (hoặc qua email) theo địa chỉ trên đây.

Nếu trong quá trình thực hiện các điều khoản nêu trên, vì bất kỳ lý do gì (không phải do Bên B gây ra) dẫn đến việc Bên A yêu cầu Bên B ngừng thực hiện tiếp các công việc như đã nêu tại Điều 1 hoặc Bên B đã làm xong các trách nhiệm của Bên B như đã nêu tại Điều 3 nhưng Bên A vẫn yêu cầu chấm dứt hợp đồng kiểm toán hoặc từ chối không nhận Báo cáo kiểm toán thì Bên A sẽ phải thực hiện thanh toán đầy đủ cho Bên B các chi phí phát sinh tính từ thời điểm bắt đầu công việc kiểm toán (như đã nêu tại Điều 1) đến thời điểm Bên A yêu cầu chấm dứt thực hiện các trách nhiệm của Bên B.

Mọi tranh chấp, mâu thuẫn hoặc khác biệt phát sinh từ việc thực hiện Hợp đồng (gọi chung là "Tranh Chấp") này sẽ được hai Bên thống nhất giải quyết bằng hòa giải và thương lượng. Trong trường hợp các Bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết Tranh chấp trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xảy ra Tranh chấp, các Bên có quyền yêu cầu Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) giải quyết theo quy tắc tổ tụng của cơ quan trọng tài này. Nơi giải quyết Tranh chấp sẽ tại Thành phố Hà Nội.

Điều 9:

Hiệu lực, ngôn ngữ và thời hạn Hợp đồng

Hợp đồng này được lập thành 06 (sáu) bản tiếng Việt, mỗi Bên giữ 03 (ba) bản, có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày có đủ chữ ký, con dấu của cả hai bên cho đến khi kết thúc Hợp đồng (thanh lý Hợp đồng, phát hành hoá đơn và thu tiền) hoặc khi có thỏa thuận hủy bỏ hợp đồng của cả hai Bên.

Đại diện Bên B
CÔNG TY TNHH
KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Phan Thanh Nam

Đại diện Bên A
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC
CHỦ TỊCH HĐQT



Đương Quang Lư



PHỤ LỤC: CHI TIẾT GIÁ PHÍ SOÁT XÉT, KIỂM TOÁN

(Kèm theo Hợp đồng soát xét, kiểm toán số: 300/2020/HĐKT-BCTC/CPA VIETNAM ngày /12/2019)

STT	Đơn vị được soát xét, kiểm toán	Giá phí soát xét, kiểm toán (VND)
1	Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc	90.000.000
2	Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hưng Lộc Phát Gia Lai	15.000.000
3	Công ty Cổ phần Thương mại - Xuất nhập khẩu Tấn Hưng	15.000.000
4	Công ty Cổ phần Nông nghiệp Lumex Việt Nam	15.000.000
5	Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc	20.000.000
Tổng cộng		155.000.000

Bằng chữ: Một trăm năm mươi lăm triệu đồng. Mức phí trên chưa bao gồm Thuế Giá trị gia tăng với thuế suất 10%.

